

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-10 -2019

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Kim Đó**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Huỳnh Ngọc Hoa**

2. Ông **Trần Đại Nghĩa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Quách Thị Khuyên** - Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Xuân Thanh**, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lý Quang M**; sinh năm 1981.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1979

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(anh M có mặt; chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lý Quang M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Quang M và chị Nguyễn Thị T được tự nguyện tìm hiểu yêu thương, tổ chức cưới vào năm 2001 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đến ngày 10/3/2001 thì được cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu của anh M.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M thường đi chơi uống cà phê về khuya và cũng có bạn gái gọi điện cho anh vào ban đêm nên chị T nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh M nhiều lần giải thích, nhưng chị T không tin tưởng anh, có lần chị T lấy điện thoại của anh M và gọi cho người bạn gái của anh nói chuyện, nội dung chị T nói gì thì anh M không biết nhưng sau

đó vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi vã làm cho đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc.

Đầu tháng 5 năm 2019 đến nay thì vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Anh M và chị T cũng có bàn bạc hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Trước Tòa án anh M xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị T, anh M xin được ly hôn .

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 (ba) con chung; gồm cháu Lý Tuyết H sinh ngày 16/9/2001; Lý Tiến D; sinh ngày 25/10/2003; Lý Tiến T; sinh ngày 05/11/2007; Khi ly hôn anh M đồng ý giao 03 con chung là cháu H, cháu D; cháu T cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Lý Quang M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Lý Quang M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh M không trình bày gì thêm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị công nhận lời khai của anh M về thời gian và hoàn cảnh kết hôn là đúng, chị T và anh M tự nguyện tìm hiểu yêu thương, năm 2001 thì tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đ, đến ngày 10 tháng 3 năm 2001 thì được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, đây cũng là hôn nhân lần đầu của chị T.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên từ tháng 3 năm 2019 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Anh M không lo lắng, quan tâm đến gia đình mà có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên về nhà kiếm chuyện chửi bới gây gổ làm cho đời sống chung không hạnh phúc. Từ tháng 5 đến nay thì anh M đã thuê nhà trọ sống riêng, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, việc ai nấy làm

Tại Tòa án chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M, chị Thom theo đạo công giáo nên không được phép ly hôn. Anh M xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh M khai là đúng, vợ chồng chung sống có 03 (ba) con chung; gồm cháu Lý Tuyết H sinh ngày 16/9/2001; Lý Tiến D; sinh ngày 25/10/2003; Lý Tiến T; sinh ngày 05/11/2007.

Khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 (ba) con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Thêm có đơn yêu cầu Tòa án

xét xử vắng mặt đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M; về con chung tạm giao cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh Lý Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung anh M và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không điều chỉnh.

Anh Minh phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn anh Lý Quang M khởi kiện tranh chấp ly hôn; bị đơn chị Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại địa chỉ: ấp 2, xã Lộ 25, huyện Thống nhất, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 07/10/2019. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa anh M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị T, xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân anh M xin ly hôn là do chị T không tôn trọng và tin tưởng anh, nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng gây gổ đời sống chung không hạnh phúc. Từ tháng 5 năm 2019 vợ chồng sống ly thân cho đến ngày hôm nay.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/5/2019 và các biên bản hòa giải ngày 27/8/2019; biên bản hòa giải lần 02 ngày 18/9/2019; bị đơn chị Nguyễn Thị T khai, hôn nhân giữa chị T và anh M không còn hạnh phúc. Chị T cũng xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh M nhưng do chị là người theo đạo công giáo không được phép ly hôn.

Trên cơ sở lời khai của anh M và chị T, hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/3/2001 đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nên hôn nhân của anh M và chị T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn anh M khởi kiện xin ly hôn với chị T. Xét thời điểm hiện tại Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, việc kết hôn của anh M và chị T cũng thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điều 8 của luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về con chung và tài sản chung, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử áp dụng luật hôn nhân năm 2014 để giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 20/8/2019, địa phương cung cấp khoảng 02 năm gần đây hôn nhân của anh M và chị T không hạnh phúc, mâu thuẫn cụ thể địa phương cũng không được rõ, việc anh M xin ly hôn đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đó cho thấy hôn nhân giữa anh M và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của anh M cho anh được ly hôn với chị T.

[3] Xét về nuôi con chung: anh M và chị T có lời khai thống nhất, vợ chồng chung sống có 03 con chung gồm các cháu Lý Tuyết H - sinh ngày 16/9/2001; Lý Tiến D - sinh ngày 25/10/2003; Lý Tiến T - sinh ngày 05/11/2007.

Tại phiên Tòa anh M đồng ý giao 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng được chị T đồng ý và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H, cháu D, cháu T muốn sống cùng với mẹ (chị T). Thỏa thuận trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Lý Tuyết H đã thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[4] Xét về chia tài sản: anh M và chị T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nợ chung: anh M và chị T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc anh Lý Quang M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lý Quang M.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lý Quang M và chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lý Tiến D - sinh ngày 25/10/2003 và cháu Lý Tiến T - sinh ngày 05/11/2007 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời anh Lý Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lý Tuyết H - sinh ngày 16/9/2001 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

Anh M được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản; nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: anh Lý Quang M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 001885, ngày 22/5/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh M đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND T. Đ;
- VKSND H. T;
- Chi cục THADS H.;
- UBND xã L.H T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Kim Đó